

## NGHỀ LÀM GIẤY CỦA MỘT SỐ TỘC NGƯỜI Ở CÁC TỈNH MIỀN BẮC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA<sup>1</sup>

TS. Hoàng Thị Tố Quyên  
Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam  
Email: quyenvme@gmail.com

**Tóm tắt:** Có khá nhiều làng nghề làm giấy của người Việt (Kinh) và một số tộc người thiểu số ở miền Bắc nước ta, từ đồng bằng Bắc Bộ đến khu vực Đông Bắc và Tây Bắc. Nghề làm giấy của các tộc người ra đời, tồn tại và phát triển dựa trên một số yếu tố lịch sử, xã hội nhất định và đến lượt nó, nghề giấy lại có những ảnh hưởng, tác động tới nhiều vấn đề khác của các tộc người, cả trong quá khứ và hiện tại. Bài viết tập trung trình bày cơ sở hình thành, tồn tại của nghề làm giấy ở các tộc người Việt, Dao, Nùng khu vực miền Bắc nước ta và những vấn đề, thách thức mà các làng nghề làm giấy ở các tộc người đang phải đối mặt.

**Từ khóa:** Nghề làm giấy, làng nghề, người Việt, người Dao, người Nùng, miền Bắc.

**Abstract:** There are quite a few paper-making craft villages of the Viet (Kinh) and some other ethnic minorities in the Northern region of our country, from the Northern Delta to the Northeast and Northwest regions. The paper-making craft of ethnic groups was born, has existed, and developed based on specific historical and social factors. In turn, the paper-making craft has influenced and impacted several ethnic issues, both past and present. This article focuses on presenting the basis for the formation and existence of the Viet, Dao, and Nung ethnic groups' paper-making craft in the Northern region of our country and the problems and challenges that these ethnic craft villages are facing.

**Keywords:** Paper-making, craft village, Viet, Dao, Nung, Northern region.

Ngày nhận bài: 4/3/2024; ngày gửi phản biện: 9/5/2024; ngày duyệt đăng: 21/6/2024.

### Mở đầu

Nghề làm giấy (giấy dó, giấy bản,...) là một trong những nghề có lịch sử ra đời và phát triển từ rất sớm ở nước ta. Dưới góc nhìn quốc tế, hai nhà báo của tờ Business Insider, Mỹ, đã giới thiệu lịch sử 800 năm nghề làm giấy ở Việt Nam (Nikita Grant, Amelia Kosciulek, 2022). Ở trong nước, nhiều nhà báo, nhà nghiên cứu đã đề cập đến lịch sử hàng nghìn năm của nghề làm giấy (Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Ninh, 2021). Đài, báo, các phương tiện truyền

<sup>1</sup> Bài viết là kết quả khoa học của đề tài cấp Bộ (2023-2024): “Nghiên cứu nghề làm giấy dó thủ công của một số dân tộc ở phía Bắc Việt Nam, định hướng trưng bày, trình diễn tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam” do TS. Vũ Hồng Thuật làm Chủ nhiệm, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam chủ trì.

thông và mạng xã hội chỉ ra nhiều tộc người cư trú trên đất nước Việt Nam đã và đang là chủ nhân của nghề làm giấy. Có thể kể tới nghề làm giấy của người Việt, Dao, Nùng, Mường, Hmông, Tày, Thái,... Với các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam, chủ nhân của nghề làm giấy thường sinh sống tập trung ở khu vực miền núi phía Bắc, như người Mường ở Suối Cỏ (Hòa Bình), người Dao ở Thanh Sơn (Hà Giang), người Nùng ở Phúc Sen (Cao Bằng),... Với người Việt, chủ nhân của nhiều làng nghề làm giấy, tập trung ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ như: An Cốc, An Thái, Hồ Khẩu, Đông Xã, Yên Hòa, Nghĩa Đô (Hà Nội), làng Dương Ổ, Đông Cao (Bắc Ninh),...

Do được hình thành, tồn tại và phát triển trong một thời gian dài và tập trung trong một khu vực không quá rộng với số lượng cư dân sinh sống tương đối đông, nghề làm giấy của các tộc người khu vực phía Bắc nước ta đã chịu ảnh hưởng, tác động từ nhiều yếu tố lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội và đến lượt nó, nghề giấy lại có những ảnh hưởng, tác động tới nhiều vấn đề của các tộc người, cả trong quá khứ và hiện tại. Bài viết tập trung trình bày, phân tích những vấn đề mà nghề làm giấy của các tộc người Việt, Dao, Nùng ở khu vực phía Bắc Việt Nam chịu ảnh hưởng, tác động và những vấn đề, thách thức mà các làng nghề làm giấy ở các tộc người đang phải đối mặt.

### **1. Nghề làm giấy của người Việt ở Bắc Ninh**

Làng Đông Cao (hay Dương Ổ) thuộc phường Phong Khê, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh là làng nghề sản xuất giấy lâu đời. Có ý kiến cho rằng thời điểm khởi đầu của nghề làm giấy ở làng Đông Cao là vào những năm 20 của thế kỷ XIII, thời điểm kết thúc của triều Lý - vương triều khởi nguồn từ vùng đất Bắc Ninh ngày nay, ra đời gắn liền với Phật giáo, lấy Phật giáo là trung tâm (là Quốc giáo) (Nikita Grant, Amelia Kosciulek, 2022). Sau này, dù có sự thay đổi về vương triều, từ triều Lý sang triều Trần, nhưng đó vẫn là thời điểm phát triển rực rỡ của Phật giáo Việt Nam. Triều Trần tiếp tục chính sách lấy Phật giáo làm Quốc giáo, tiếp tục cho xây dựng chùa tháp và khắc ván mộc bản in kinh Phật và vùng đất Bắc Ninh vẫn là trung tâm Phật giáo. Không chỉ có vậy, Bắc Ninh còn có làng Đông Hồ - làng nghề in tranh dân gian bằng mộc bản, đây là nghề muốn tồn tại và phát triển buộc phải có nguồn cung cấp giấy. Thông thường, bên cạnh các làng in tranh dân gian luôn có ít nhất một làng làm giấy, như Dương Ổ - Đông Hồ (Bắc Ninh), Yên Thái (Bưởi) - Hàng Trống (Hà Nội); Thanh Tiên - Làng Sinh (Huế),... Năm 1075 nhà Lý mở khoa thi đầu tiên lấy những nhà Nho đỗ đạt ra làm quan; năm 1076 nhà Lý dựng Quốc Tử Giám tại kinh thành Thăng Long dành cho con cháu của hoàng tộc, quý tộc và quan lại học hành, đánh dấu thời kỳ Nho giáo và hình thức học hành thi cử Nho giáo được trọng dụng, thịnh hành trong xã hội Việt Nam (Đại Việt). Tới năm 1253 nhà Trần mở rộng Quốc Tử Giám để thu nhận cả con cháu các gia đình thường dân nhưng học giỏi vào học. Đặc biệt, tới thời Lê (1428-1789) Nhà nước lựa chọn thực thi “chính sách độc tôn Nho giáo và Nho học” (Nguyễn Quang Ngọc, 2010, tr. 126). Tất cả những điều đó là cơ sở cho sự ra đời và phát triển của nghề làm giấy ở làng Dương Ổ (Bắc Ninh).

Các nhà nghiên cứu lịch sử và văn hóa dân gian ở Việt Nam ghi nhận nghề làm giấy Đống Cao đã ra đời từ thế kỷ thứ II. Dân gian truyền tụng vào thời gian đó “Thái Luân - người sáng chế ra nghề giấy ở nước Đông Hán (Trung Quốc), trong một lần cùng 13 người bạn vi hành tới phương Nam, khi đến thành Đại La, mỗi vị đã dạy cho người dân một nghề thủ công khác nhau. Vốn giỏi nghề làm giấy nên Thái Luân đã dạy cho dân làng Yên Thái (ven Hồ Tây) và Đống Cao (xứ Kinh Bắc) nghề làm giấy (Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Ninh, 2021). Độ tin cậy của thông tin, tư liệu này cần phải xem lại, song tư liệu này cũng cho thấy những cơ sở nhất định. Khi đó, quận Giao Chỉ (phần lớn khu vực Bắc Bộ hiện nay) thuộc về chính quyền nhà Đông Hán (từ năm 23 đến năm 220 SCN); thủ phủ của quận Giao Chỉ và 6 quận trên đất liền khác (trước thuộc nước Nam Việt của Triệu Đà) khi đó đã được chuyển từ Mê Linh (vùng đất bản bộ của vua Hùng, thuộc Hà Nội ngày nay) xuống Luy Lâu (khu vực huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh). Thời điểm đó, Phật giáo đã có những bước phát triển đầu tiên ở khu vực này (do các tăng sĩ Ấn Độ truyền bá từ những năm đầu Công nguyên và các nhà sư Trung Quốc đi theo đội quân xâm lược tiếp tục truyền bá) và Nho giáo cũng từng bước được du nhập vào theo chính sách đồng hóa hay “Hoa hóa” của chính quyền cai trị nhà Đông Hán (Nguyễn Quang Ngọc, 2010, tr. 37-49). Vì vậy, việc xuất hiện một làng nghề làm giấy cạnh thủ phủ hành chính và trung tâm Phật giáo trên đất Bắc Ninh ngày nay là hoàn toàn có cơ sở.

Những tư liệu ghi lại sự tồn tại và phát triển lâu đời của nghề làm giấy ở Đống Cao đã khẳng định vai trò quan trọng của nghề với cư dân trong và ngoài làng. Nghề giấy Đống Cao đã cung cấp giấy dó, giấy bản cho việc học hành, thi cử đầu tiên là của con cháu hoàng thân, quý tộc, quan lại triều Lý, sau là cho con em cư dân trong vùng. Giấy dó/giấy bản làng Đống Cao làm ra còn là nguồn cung quan trọng cho việc viết/chép và in kinh Phật phục vụ cho các ngôi chùa trong vùng; làm đồ hàng mã, in tiền âm phủ, làm ngòi pháo, vở pháo..., phục vụ sinh hoạt đời thường và nhu cầu tín ngưỡng, tâm linh của người dân trong và ngoài khu vực. Bên cạnh đó, giấy dó/giấy điệp làng Đống Cao là nguyên liệu chính giúp người làng Đống Hồ in tranh. Thậm chí, năm 1924, do yêu cầu của triều đình nhà Nguyễn, làng Đống Cao còn làm cả giấy dó kích thước lớn (120 - 140 x 60cm) cung cấp cho làng Nghĩa Đô (Hà Nội) làm giấy in sắc phong (Vũ Hồng Thuật, Vũ Thị Diệu, 2015, tr. 74).

Đối với cư dân làng Dương Ô, giấy dó, giấy bản cũng được sử dụng cho con em học hành, thi cử và trong các nghi lễ cúng tế (vàng mã, tiền âm phủ) như cư dân các làng khác, nhưng quan trọng hơn nghề làm giấy đã giúp cho người dân có thêm thu nhập. Thậm chí, đây còn là nguồn thu quan trọng và ổn định giúp cư dân, cộng đồng làng có điều kiện tồn tại và phát triển, từ việc học hành, thi cử đến việc xây dựng, phát triển làng (đường làng ngõ xóm ngày càng được mở rộng, khang trang, sạch đẹp hơn; nhà cửa với nhiều loại nguyên vật liệu khác nhau; các đồ gia dụng; phương tiện vận chuyển đi lại và các đồ dùng, phương tiện cá nhân ngày một đầy đủ hơn, hiện đại hơn) phù hợp với xu hướng phát triển của địa phương, quốc gia và khu vực. Các di tích lịch sử, văn hóa, tôn giáo cũng đã và đang tồn tại trong làng trước kia, phường hiện nay, như đình làng Dương Ô, đền/nghè Dương Ô, chùa Dương Ô

(Hồng Ân tự) và chùa Vạt (Sùng Ân tự)..., đều ít nhiều có công sức, đóng góp của những người thợ giấy và nghề làm giấy của làng (Nguyễn Hữu Mạo chủ biên, 2020, tr. 27-36).

Nghề giấy Đống Cao từ lâu đã đi vào đời sống tâm linh của cư dân trong làng với tục thờ tổ nghề và tổ chức phường hội. Về tục thờ tổ nghề, sau khi ông Thái Luân mất, người dân hai thôn Yên Thái, Đống Cao tôn ông làm tổ nghề. Ngày 16 tháng Tám hàng năm, hai làng đều tổ chức giỗ Tổ nghề để tưởng nhớ bậc tiền nhân có công truyền nghề thừa sơ khai (Công thông tin điện tử tỉnh Bắc Ninh, 2021). Tổ chức phường hội của những người làm nghề giấy được cho là có tính bền vững hơn các phường hội khác trong làng, trong khu vực. Phường hội của người làm nghề giấy nhằm tập hợp lực lượng lao động, hỗ trợ, giúp đỡ nhau trong mua bán nguyên liệu, công cụ, tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Bên cạnh đó, tổ chức này còn phối hợp với nhau trong việc thực hiện các nghi lễ gắn liền với tục thờ Tổ nghề của làng (Nguyễn Hữu Mạo chủ biên, 2020, tr. 23).

Mặc dù nghề giấy làng Đống Cao tồn tại suốt nhiều thế kỷ qua nhưng gần đây đã có nhiều thay đổi do những biến động ở địa phương cũng như trên cả nước. Sự thay đổi đó cũng tạo ra nhiều tác động, cả tích cực và tiêu cực, đối với cư dân trong và ngoài làng. Đầu tiên là sự suy giảm và biến đổi của nghề giấy truyền thống tại làng khi các nhà truyền giáo phương Tây từng bước xây dựng và dần đưa bộ chữ cái Latinh vào đời sống xã hội Việt Nam. Khi được đưa vào sử dụng (đầu tiên là in sách, báo, sau là sử dụng trong học hành, thi cử) bộ chữ cái này đã làm thay đổi cách viết, cách học của người Việt; làm xuất hiện nhu cầu loại giấy mới thay thế cho giấy truyền thống của các làng nghề làm giấy dó, giấy bản. Điều này đã tạo điều kiện cho sự ra đời của những nhà máy giấy công nghiệp sản xuất các loại giấy viết, giấy in phù hợp với bộ chữ cái Latinh, như nhà máy giấy của Henri Schneider, được thành lập năm 1892 ở khu vực ven Hồ Tây (Thụy Khuê, Hà Nội), Nhà máy giấy Đáp Cầu được xây dựng tháng 7/1913 tại Đáp Cầu (Bắc Ninh). Gần đây hơn là Nhà máy giấy Bãi Bằng (Vĩnh Phú) được khởi công xây dựng vào đầu năm 1975, khánh thành ngày 26/11/1982.

Những nhân tố trên đã buộc nghề làm giấy truyền thống của làng Đống Cao phải đa dạng hóa sản phẩm, từ giấy dó (phục vụ viết, in chữ Hán, chữ Nôm, viết thư pháp, vẽ tranh thủy mặc), giấy điệp (in tranh Đông Hồ), giấy dó lụa (vẽ tranh cổ, in sách quý, viết sắc phong, chiếu chỉ của triều đình phong kiến), giấy lĩnh (dùng chép gia phả, thần phả, ngọc phả các vị thần, Thành hoàng làng và đống, in sách quý), giấy dương (viết thư pháp, chép gia phả, kinh Phật, vẽ và in tranh, thêu tranh, làm đèn, làm hoa giấy), giấy moi củ hoặc giấy phèn (loại giấy xấu nhất, dùng để gói hàng, lau chùi đồ, làm hàng mã trước năm 1945) đến các loại giấy viết phục vụ bình dân học vụ, giấy in truyền đơn và giấy in báo (giai đoạn kháng chiến chống Pháp) và các loại giấy vàng quỳ (dùng bọc các lá vàng nguyên liệu của nghề sơn thếp tượng, đồ thờ), giấy in dập văn bia, viết gia phả; giấy làm thân pháo, ngòi pháo, giấy tăng sin (dùng cho in ấn hoặc quấn chống ẩm trong các quả pin của Nhà máy pin Văn Điển; dùng sản xuất cách âm, cách nhiệt, làm màng loa máy thu thanh,...), giấy dán quạt, giấy làm ngòi mìn, giấy

lau vệ sinh (sau hòa bình lập lại ở miền Bắc, năm 1954) cho đến gần đây (trước năm 1986) (Nguyễn Hữu Mạo chủ biên, 2020, tr. 66-70).

Năm 1986, khi Đảng và Nhà nước thực hiện chính sách Đổi mới, xuất hiện nhiều nhà máy sản xuất giấy công nghiệp với ưu thế về sản lượng cao, giá thành hạ, sản phẩm đa dạng về mẫu mã. Đến năm 1994 khi Thủ tướng Chính phủ ra chỉ thị cấm sản xuất, buôn bán và đốt pháo, là thời điểm nghề làm giấy dó làng Đông Cao lâm vào tình trạng đình trệ, nhiều gia đình phải ngừng sản xuất. Bên cạnh đó, sự mai một của làng tranh dân gian Đông Hồ cũng là một tác nhân góp phần vào sự đi xuống của nghề sản xuất giấy truyền thống ở làng Đông Cao. Tuy nhiên, những nhân tố tác động này cũng đã làm xuất hiện ở làng giấy Đông Cao một hướng đi mới, phù hợp hơn với nền kinh tế thị trường hiện nay: Chuyển từ làm giấy thủ công sang sản xuất giấy công nghiệp với năng suất, chất lượng cao hơn, sản phẩm đa dạng hơn, đáp ứng thiết thực hơn các nhu cầu đời sống của cư dân. Từ một gia đình nghệ nhân đầu tiên của làng tiên phong mua sắm, trang bị một dây chuyền sản xuất giấy công nghiệp năm 1989, đến nay, trên địa bàn làng Đông Cao đã có hơn 200 công ty sản xuất giấy hiện đại<sup>2</sup>, đạt tổng sản lượng 700.000 tấn giấy/năm, đem lại doanh thu trên 1.000 tỷ đồng/năm. Điều này đã đem đến nhiều thay đổi tích cực trong đời sống của cư dân; thay đổi bộ mặt của làng, nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất và tinh thần của cư dân. Cơ sở hạ tầng của địa phương ngày càng được đầu tư nhiều hơn. Các công trình công cộng trong làng, phường, trong đó có đình, đền, chùa, được xây dựng, nâng cấp. Nhiều gia đình trong làng thậm chí có điều kiện chi tiền xây dựng khu nhà thờ tổ nghề và khu trưng bày nghề giấy truyền thống của làng trên diện tích 2.700m<sup>2</sup> đất và hơn 600m<sup>2</sup> đất xây dựng, tổng kinh phí xây dựng lên đến 10 tỷ đồng (Nguyễn Hữu Mạo chủ biên, 2020, tr. 141).

Tuy nhiên, xu hướng phát triển mới trong nghề giấy làng Đông Cao cũng đã và đang có những tác động tiêu cực đến cư dân trong làng/phường và cư dân khu vực xung quanh. Ngoài sự phân hóa giàu nghèo ngày càng tăng giữa những gia đình phát triển thành doanh nghiệp và các gia đình công nhân (làm thuê cho các chủ doanh nghiệp) là mức độ tập trung dân cư, lao động, phương tiện giao thông đi lại, tỷ lệ giữa diện tích đất xây dựng và tổng diện tích đất tự nhiên của làng/phường dẫn đến những bất cập về giao thông, an ninh trật tự, không gian sống, không gian xanh,... Đặc biệt, ô nhiễm môi trường là vấn đề nổi cộm ở làng nghề giấy Đông Cao (Vũ Hồng Thuật, Vũ Thị Diệu, 2015, tr. 78-79). Tháng 3/2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã khởi công xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung tại Dương Ổ; Tháng 7/2016, công trình đã hoàn thành, đưa vào hoạt động giai đoạn 1 với công suất xử lý 5.000m<sup>3</sup> nước thải/ngày (Nguyễn Hữu Mạo chủ biên, 2020, tr. 143). Tuy nhiên, công trình không đủ sức xử lý nước thải cho toàn bộ gần 300 dây chuyền/nhà máy sản xuất giấy công nghiệp trên địa bàn. Tình trạng ô nhiễm nước do nước thải từ quy trình làm giấy không chỉ ảnh hưởng đến

<sup>2</sup> Theo ông N.V.D., Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phong Khê, phường có 300 dây chuyền (nhà máy) sản xuất giấy công nghiệp (PVS ngày 24/8/2023).

cư dân trong làng, phường, thành phố trong tỉnh mà còn ảnh hưởng đến nhiều địa phương phía hạ lưu sông Cầu thuộc tỉnh Bắc Giang và Hải Dương. Một cán bộ văn hóa phường cho biết “*Chúng tôi bị kiện nhiều vì họ bảo làm giấy gây ô nhiễm môi trường. Họ không được hưởng lợi từ việc làm giấy mà phải mất thêm chi phí xử lý nước sông Cầu trước khi sử dụng*” (PVS ông D.V.T, ngày 24/8/2023). Bên cạnh đó tình trạng ô nhiễm môi trường đất, không khí và ô nhiễm tiếng ồn do hoạt động của các nhà máy, xí nghiệp sản xuất giấy công nghiệp trong phường cũng đang ngày càng gia tăng, cần phải được quan tâm xử lý.

## 2. Nghề làm giấy của người Dao ở Hà Giang

Người Dao có nguồn gốc từ các tỉnh phía Nam Trung Quốc, di cư vào Việt Nam trong vài trăm năm gần đây, là tộc người có truyền thống sử dụng chữ Nôm Dao, một loại chữ phát triển từ chữ Hán, viết/in trên giấy dó, giấy bản, được sử dụng nhiều trong các nghi lễ cúng tế. Đặc biệt, người Dao đến nay vẫn duy trì loại hình lễ cấp sắc có sử dụng nhiều tranh thờ các vị thần được vẽ hoặc in trên giấy, và sử dụng nhiều giấy để viết chữ và cắt, gấp làm tiền âm phủ, vàng mã. Chính vì vậy, các làng bản của người Dao thường duy trì nghề làm giấy bản và người Dao ở thôn Thanh Sơn, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang cho đến thời điểm hiện nay vẫn duy trì hoạt động kinh tế, văn hóa này. Tuy nhiên, vào thời điểm hiện nay, nghề làm giấy bản truyền thống của người Dao nói chung, của người Dao thôn Thanh Sơn nói riêng đang gặp một số vấn đề khó khăn cần được quan tâm, giải quyết.

Ngày 6/01/2012, Ủy ban nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang ra Quyết định số 13/QĐ-UBND phê duyệt *Đề án phát triển làng nghề truyền thống sản xuất giấy bản dân tộc Dao, gắn với xây dựng khu du lịch sinh thái Thác Thủy và thôn văn hóa Thanh Sơn, Tân Sơn, thị trấn Việt Quang* (UBND Bắc Quang, 2012). Quyết định này được phê duyệt kèm theo Đề án và Biểu phân kỳ đầu tư thực hiện Đề án, cho thấy thôn Thanh Sơn có 118 hộ, 503 khẩu với 5 dân tộc, trong đó có 96 hộ dân tộc Dao (chiếm 81,3% tổng số hộ trong bản); về phân loại kinh tế hộ, năm 2010, bản có 01 hộ giàu, 4 hộ khá, 100 hộ trung bình, 8 hộ cận nghèo, 5 hộ nghèo (chiếm 4,2%); tổng thu nhập năm 2010 của bản là 3.982 triệu đồng, trong đó nghề làm giấy bản đóng góp 700 triệu đồng, bình quân đạt 7,9 triệu đồng/người/năm (UBND huyện Bắc Quang, 2012). Đề án được thực hiện từ năm 2011-2020 với hai giai đoạn, 2011-2015 và 2016-2020; đối tượng là các hộ người dân tộc Dao Đỏ ở hai thôn Thanh Sơn (96 hộ) và Tân Sơn (62 hộ). Một trong 3 mục tiêu tổng quát của Đề án là: Huy động mọi nguồn lực đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước; phát huy tiềm năng thế mạnh về địa lý tự nhiên; khôi phục, phát triển nghề truyền thống; phát huy, khai thác tốt tiềm năng tài nguyên du lịch; bảo vệ tốt tài nguyên môi trường thiên nhiên, nhưng 5 mục tiêu cụ thể (giai đoạn 1 với 4 mục tiêu; giai đoạn 2 với 1 mục tiêu) không đề cập tới nghề giấy.

Gần 10 năm sau, năm 2021, Báo cáo “Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch ngành nghề nông thôn giai đoạn 2011-2020” của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Quang cho biết: Giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn huyện có 7 làng nghề, nhưng giai đoạn 2016-2020 giảm mất 4

làng nghề, trên địa bàn huyện chỉ còn 3 làng nghề, trong đó có nghề làm giấy bản ở thị trấn Việt Quang (UBND huyện Bắc Quang, 2021a). Báo cáo này cũng cho biết làng nghề giấy bản tạo công ăn việc làm và giải quyết nhu cầu việc làm cho 30 lao động nông thôn. Cũng năm 2021, “Báo cáo hiện trạng phát triển các làng nghề của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, năm 2020” cho thấy làng nghề giấy bản ở thị trấn Việt Quang chỉ còn có 10 lao động và đang gặp phải nhiều khó khăn, hoạt động sản xuất không ổn định, nguyên nhân là do không có đầu ra cho sản phẩm (UBND huyện Bắc Quang, 2021b). Điều đó cho thấy tình trạng nghề làm giấy bản của người Dao ở thôn Thanh Sơn, thị trấn Việt Quang đang ngày càng suy giảm về số lượng lao động (người tham gia làm giấy), nguyên nhân chủ yếu là do không có nơi tiêu thụ sản phẩm giấy giống như các làng nghề khác của người Việt. Thực trạng đó đã buộc Ủy ban nhân dân huyện Bắc Quang phải đưa làng nghề làm giấy bản Thanh Sơn, thị trấn Việt Quang (huyện Bắc Quang) vào danh sách làng nghề thuộc diện “hỗ trợ bảo tồn làng nghề” và được tỉnh hỗ trợ với mức 100 triệu đồng/1 làng nghề (UBND huyện Bắc Quang, 2022; UBND tỉnh Hà Giang, 2022).

Nghiên cứu thực địa của chúng tôi tại thôn Thanh Sơn vào tháng 6 và tháng 8 năm 2023 cho thấy, trong thực tế tình hình có những diễn biến khác. Dân làng cho biết hầu hết các hộ gia đình người Dao trong thôn (90/96 hộ) vẫn tham gia làm giấy. Công việc này thường được họ làm khi không vướng bận các công việc quan trọng, tranh thủ lúc nông nhàn. Người Dao Đỏ nơi đây sử dụng thân cây măng vầu (không già, không non) làm nguyên liệu sản xuất giấy. Măng vầu trước đây được khai thác trong rừng của làng. Hiện nay, rừng vầu quanh thôn đã được chia cho các gia đình quản lý, chăm sóc và khai thác. Gia đình nào cũng có từ 0,5-1ha rừng vầu nên không có gia đình nào thiếu nguyên liệu. Người Dao Thanh Sơn dùng vôi bột để ngâm nguyên liệu khi làm giấy. Trước đây, các gia đình thường tự khai thác đá để nung vôi, nhưng nay đá không được khai thác tự do nữa nên họ phải mua vôi bột ngoài thị trường mang về sử dụng. Vôi do lái buôn đưa từ tỉnh Tuyên Quang lên bán, giá cả tăng giảm theo thị trường. Trong kỹ thuật làm giấy không thể thiếu nguyên liệu chất nhớt. Khác với người Việt dùng thân cây mò chế biến thành nước nhớt (gọi là nước mò), người Dao Đỏ thôn Thanh Sơn dùng cây *skêu* chế biến nước nhớt để hòa vào bề có chứa bột giấy. Trước kia, người Dao Đỏ nơi đây tự đi vào rừng khai thác cây *skêu*, nhưng nay một số gia đình người Dao ở đây đã trồng cây này trong vườn nhà hoặc vườn rừng để sử dụng quanh năm. Số khác dùng giấy do mình làm ra đổi lấy cây *skêu* từ cư dân các bản quanh vùng, như các hộ dân xã ở Hạ Bình, khu Việt Hồng (huyện Bắc Quang). Dụng cụ làm giấy không thể thiếu là mảnh tráng giấy (còn gọi là mảnh xeo hay liềm xeo). Mảnh tráng giấy (dân làng sử dụng) trước đây do một gia đình người Hoa từ Trung Quốc mang sang bán, hiện nay trong bản đã có người tự làm (đạn) được dụng cụ này bán ra thị trường. Khâu chế biến nguyên liệu làm giấy bản của người Dao thôn Thanh Sơn hiện đã có những cải tiến so với trước. Cụ thể, thân măng vầu sau khi ngâm không phải dùng chân đạp như trước mà dùng máy xay, máy nghiền với tốc độ, năng suất, chất lượng cao hơn (nhỏ mịn hơn); trước đây giấy làm ra được ép khô bằng sức nặng của các khúc gỗ, nay được ép khô bằng

kích ô tô (kích thủy lực và kích điện),... Sản phẩm giấy làm ra ngoài sử dụng trong gia đình, cộng đồng còn có thể bán cho người Dao ở huyện Hoàng Su Phì (Hà Giang). Một số gia đình trong làng chủ động mang sản phẩm đi bán; số khác lại được khách hàng đến tận nhà mua. Người Dao ở Hoàng Su Phì dùng giấy do người Dao thôn Thanh Sơn làm ra để làm vàng mã sử dụng trong các nghi lễ cúng tế của gia đình và cộng đồng.

Về cơ bản, nghề giấy của người Dao Đỏ ở thôn Thanh Sơn, thị trấn Việt Quang, tỉnh Hà Giang đã có nhiều thay đổi so với trước, song sự thay đổi theo cả hai chiều hướng tích cực và tiêu cực. Những thay đổi tích cực gồm: các loại nguyên liệu không còn phụ thuộc hoàn toàn vào tự nhiên, một số loại người dân đã tự trồng, số khác do thị trường cung cấp hay việc sử dụng máy móc để nghiền nguyên liệu và ép khô giấy. Những thay đổi theo chiều tiêu cực chủ yếu đến từ giá thành sản phẩm cao, nhưng thu nhập tính theo ngày công của người thợ làm giấy lại thấp so với các hoạt động kinh tế khác, như chăn nuôi gia súc, gia cầm theo đàn hay đi làm công nhân tại các nhà máy trong và ngoài tỉnh. Cụ thể, ngoài khoản tiền chi mua hoặc tự khai thác nguyên liệu (măng vầu, đá vôi, *skêu*, mảnh tráng giấy), mỗi ngày vào thời điểm mùa hè (được cho là thời điểm phù hợp với việc làm giấy và cho năng suất cao nhất), một người thợ chỉ có thể làm ra được 1 bục giấy (tương đương với 80 tệp; 1 tệp 5 tờ; tức 1 bục = 400 tờ giấy). Số giấy này nếu bán lẻ ngoài chợ có thể thu được 200.000 đồng, nhưng bán tại nhà chỉ thu được 180.000 đồng, trong khi đi làm thuê mỗi người có thể kiếm được từ 250.000 - 300.000 đồng/ngày. Vì vậy, lớp trẻ người Dao thôn Thanh Sơn không mặn mà với nghề làm giấy truyền thống của tổ tiên. Họ thường lựa chọn đi làm thuê tại các khu công nghiệp ở Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương,... Do sản xuất với quy mô gia đình, chỉ làm vào thời điểm nông nhàn, sản phẩm chủ yếu phục vụ bà con trong làng và một vài cộng đồng người Dao khác ở trong và ngoài tỉnh nên ô nhiễm môi trường (cả môi trường đất, môi trường nước, môi trường không khí và ô nhiễm tiếng ồn) chưa trở thành vấn đề đối với làng nghề làm giấy nơi đây.

### 3. Nghề làm giấy của người Nùng ở Cao Bằng

Cũng giống như người Dao, người Nùng An ở Cao Bằng nói riêng, người Nùng ở Việt Nam nói chung có truyền thống sử dụng chữ Nôm Nùng, một loại chữ tương tự chữ Hán, viết trên giấy bản, được sử dụng nhiều trong các nghi lễ cúng tế. Đặc biệt, người Nùng cũng đang duy trì loại hình lễ Then, trong đó có nghi thức cấp sắc cho các thầy Then, sử dụng nhiều hình ảnh các vị thần (theo quan niệm của họ) được vẽ hoặc in trên giấy và sử dụng nhiều giấy để viết chữ và cắt, gấp giấy làm tiền âm phủ, vàng mã để đốt trong các nghi lễ. Vì vậy, các làng bản của người Nùng ở Cao Bằng thường duy trì nghề làm giấy để phục vụ cho các nhu cầu đời sống thường ngày và các nhu cầu tín ngưỡng. Người Nùng An ở bản Dìa Trên và bản Lũng Ổ (xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa) cho đến nay vẫn duy trì nghề làm giấy thủ công, tuy nhiên họ đang gặp nhiều khó khăn, cần phải được quan tâm, nghiên cứu, giải quyết.

Đầu năm 2024, toàn xã Phúc Sen có khoảng 4.200 nhân khẩu, trong đó có tới 98% là người Nùng An, chỉ có chừng 2% dân số trong xã là người thuộc các dân tộc khác. Theo tư

liệu phòng vấn lãnh đạo xã Phúc Sen cho biết, hiện xã có 11 thôn, trong đó có thôn Dìa Trên và thôn Lũng Ổ vẫn đang duy trì nghề làm giấy truyền thống, nguyên liệu chính để làm giấy là vỏ cây dương (*mạy sa*) được khai thác trong tự nhiên, song từ năm 2020 trở lại đây người dân đã bắt đầu trồng loại cây này trong vườn nhà hay vườn rừng để chủ động khai thác phục vụ cho hoạt động làm giấy. Do mới trồng không lâu nên kích thước của cây còn nhỏ, lượng tinh bột giấy trong vỏ chưa nhiều, người dân vẫn phải tiếp tục tìm kiếm, khai thác cây *mạy sa* trong tự nhiên để làm giấy, tuy nhiên điều này dẫn tới 2 hướng tác động: *Thứ nhất*, người dân đã dần chủ động trong việc tự cung cấp nguyên liệu cho hoạt động làm giấy của gia đình và cộng đồng. *Thứ hai*, hoạt động này sẽ dần làm cho giá thành sản phẩm giấy do họ làm ra cao hơn, sức cạnh tranh trên thị trường không mạnh.

Trước đây, giấy do người Nùng An ở bản Dìa Trên và Lũng Ổ làm ra thường được sử dụng để viết chữ Nôm Nùng, làm vàng mã cho các nghi lễ cúng tế, phục vụ cho việc dạy và học chữ Nôm Nùng hoặc một vài công việc khác. Khi đó, người dân nơi đây thường chỉ làm một loại giấy màu trắng ngà, kích thước 20 x 20cm. Hiện nay, do yêu cầu của thị trường, thậm chí yêu cầu của một số doanh nghiệp ở Hà Nội, người Nùng đã làm ra nhiều loại giấy bản với kích cỡ và màu sắc khác nhau để bán. Bên cạnh giấy màu trắng ngà (giấy hiện nay có màu trắng hơn giấy trước đây), họ còn làm ra các loại giấy có màu chàm, màu tím, màu xanh, màu đỏ, màu vàng. Ngoài loại giấy có kích thước 20 x 20cm, còn có loại kích thước lớn 35 x 60cm (dùng để viết chữ Nôm Nùng) và giấy có kích thước 40 x 70cm (theo đơn đặt hàng của một doanh nghiệp ở Hà Nội). Một vài gia đình còn sản xuất ra loại giấy để dán quạt bán cho người Hà Nội và khách du lịch đến địa phương, làm đồ lưu niệm.

Việc thay đổi, đa dạng hóa sản phẩm như trên đã làm cho nhiều người, nhiều khách hàng quan tâm hơn đến các sản phẩm giấy của người Nùng An ở Phúc Sen. Ngày càng có nhiều người biết đến nghề làm giấy nơi đây, giúp cho các mối quan hệ xã hội của những người làm giấy với cư dân bên ngoài ngày càng được mở rộng. Điều đó đã đem đến cho cư dân nơi đây những điều kiện thuận lợi hơn cho việc duy trì và phát triển nghề giấy truyền thống. Nhiều người dân xung quanh xã Phúc Sen đã quan tâm đến việc tìm kiếm, khai thác các loại nguyên liệu, công cụ đem đến bán cho những hộ làm giấy trong xã; nhiều doanh nhân trong và ngoài tỉnh đã chú ý hơn đến việc khai thác sản phẩm giấy của người Nùng ở Phúc Sen để tạo ra các sản phẩm mới, sản xuất đại trà bán cho khách trong nước và quốc tế. Một doanh nghiệp tư nhân ở Hà Nội đã đặt người Nùng ở hai bản Dìa Trên và Lũng Ổ làm ra những loại giấy theo yêu cầu để họ đem về Hà Nội bán cho những người viết thư pháp, làm quạt giấy, làm sổ tay và một vài sản phẩm khác. Trước kia, những hộ làm giấy ở hai bản thường phải mang sản phẩm đến các xã trong huyện Trùng Khánh (Cao Bằng) để bán, nhưng hiện nay khách hàng đã tự tìm đến tận bản, tận nhà để mua hay gọi điện thoại đến đặt mua sản phẩm và chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của người bán. Người bán sẽ tổ chức vận chuyển hàng đến tận nơi giao cho khách. Bên cạnh đó, sự phát triển của *Công viên địa chất Non nước Cao Bằng* cũng đã có những đóng góp tích cực, đáng kể vào việc đa dạng hóa sản phẩm giấy

của hai bản Địa Trên và Lũng Ô, góp phần đưa sản phẩm giấy của người Nùng An đến với nhiều địa phương trong cả nước. Điều đó góp phần tích cực vào việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cư dân ở hai bản này.

Cho đến thời điểm hiện nay, quy trình sản xuất giấy truyền thống của người Nùng An ở Phúc Sen về cơ bản vẫn được duy trì. Người dân vẫn không sử dụng hóa chất trong quá trình sản xuất giấy. Việc làm cho sản phẩm giấy trắng hơn trước về cơ bản được thực hiện bằng các giải pháp cơ học: Loại bỏ phần có màu đen trong vỏ cây *mạy sa*, lọc bỏ vỏ bên ngoài nhiều lớp hơn, rửa nguyên liệu nhiều lần hơn, sạch hơn,... Việc tạo ra 5 loại giấy màu (xanh, phớt hồng, vàng, xám và trắng xám truyền thống) được thực hiện bằng các nguyên liệu thực vật, các loại cây cỏ khai thác trong vùng cư trú. Hoạt động làm giấy về cơ bản chỉ được thực hiện trong khoảng 3 tháng trong một năm (dịp nông nhàn). Làm giấy chỉ là hoạt động kinh tế phụ, hỗ trợ cho các gia đình cư dân bên cạnh các hoạt động kinh tế chính là canh tác ruộng nước và trồng ngô, khoai lang, rau xanh,... Vì vậy, cho đến nay nghề giấy của người Nùng An ở Phúc Sen, Cao Bằng vẫn không gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường. Đây là ưu thế nổi bật của hai địa phương có nghề giấy truyền thống của người Nùng An và người Dao so với nghề làm giấy của người Việt ở thôn Đổng Cao, tỉnh Bắc Ninh.

### Thay lời kết

Các làng, bản làm nghề giấy của người Việt, Dao, Nùng..., ra đời, tồn tại, phát triển dựa trên các điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội nhất định, đặc biệt là nguồn cung cấp nguyên liệu, nhân công và nhu cầu tiêu thụ giấy của cá nhân, cộng đồng, tộc người trong và ngoài khu vực. Trong suốt quá trình tồn tại và phát triển, trước năm 1986, nghề làm giấy của người Việt, Dao, Nùng ở các thôn/bản kể trên luôn tạo ra những tác động tích cực tới cá nhân người làm nghề, cộng đồng cư dân, tộc người ở trong và ngoài khu vực, trên một số góc độ kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, như nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cư dân, bảo vệ môi trường, cải thiện chất lượng và cảnh quan nơi họ sinh sống, duy trì mối quan hệ gắn kết giữa các cá nhân trong gia đình, giữa các gia đình trong làng/bản và giữa các cá nhân, gia đình trong cộng đồng quốc gia - dân tộc.

Năm 1986, khi Nhà nước tiến hành các chính sách Đổi mới và hội nhập, các làng nghề giấy thủ công truyền thống của người Việt nói chung, làng nghề giấy Đổng Cao nói riêng đặt trước nhiều thách thức chưa từng có trong lịch sử. Nghề giấy dó ở Đổng Cao gần như không còn tồn tại. Các cá nhân, gia đình làm nghề ở đây dần lựa chọn mua sắm, lắp đặt các dây chuyền sản xuất giấy công nghiệp, hiện đại với sản phẩm đa dạng, phù hợp với nhu cầu sản xuất. Sự chuyển hướng từ thủ công truyền thống sang công nghiệp hiện đại đã giúp người dân tăng thu nhập, góp phần nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần cho cư dân. Tuy nhiên, sự chuyển đổi này cũng đã đặt làng Đổng Cao (phường Dương Ổ) đứng trước những vấn đề xã hội mới, như tăng nhanh sự phân hóa giàu nghèo, mức độ tập trung dân cư, lao động, phương tiện giao thông đi lại; tăng nhanh diện tích đất xây dựng trên tổng diện tích đất

tự nhiên của làng, phường, dẫn đến những bất cập về giao thông, an ninh trật tự, không gian sống, không gian xanh,... Đặc biệt, xu hướng phát triển mới này đã làm xuất hiện tình trạng ô nhiễm môi trường, nặng nhất là ô nhiễm môi trường nước, không chỉ ảnh hưởng đến cư dân trong làng, phường mà còn ảnh hưởng tới nhiều cộng đồng cư dân sinh sống xung quanh thành phố Bắc Ninh và dòng sông Ngũ Huyện Khê (một nhánh sông của sông Cầu chảy qua huyện Yên Phong, Tiên Du đổ ra sông Đuống), tới tận một số cộng đồng cư dân thuộc tỉnh Bắc Giang và Hải Dương.

Công cuộc Đổi mới và hội nhập của đất nước từ năm 1986 đã có những ảnh hưởng cả trực tiếp và gián tiếp đến nghề làm giấy của các tộc người thiểu số ở Việt Nam nói chung, nghề làm giấy của người Dao ở thôn Thanh Sơn (Hà Giang), người Nùng An ở xã Phúc Sen (Cao Bằng) nói riêng. Với người Dao ở thôn Thanh Sơn, lớp trẻ không muốn tiếp tục với nghề làm giấy, số người gắn bó với nghề này không nhiều, đa phần họ chỉ làm nghề trong thời gian nông nhàn, sản phẩm làm ra chủ yếu phục vụ nhu cầu của cộng đồng. Với người Nùng ở xã Phúc Sen, dù sản phẩm giấy đã được đa dạng hơn, nhiều người biết đến hơn, kể cả các doanh nhân, doanh nghiệp ở thủ đô Hà Nội, nhưng mỗi năm trung bình một người dân chỉ làm nghề này trong khoảng 3 tháng. Do thời gian làm nghề ngắn, số người làm nghề ít và quan trọng là quy trình sản xuất giấy thủ công truyền thống về cơ bản vẫn được duy trì (dù có một số thay đổi về công cụ và kỹ thuật so với trước) nên sản phẩm giấy của họ không gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường. Đây là điểm khác biệt căn bản giữa làng nghề làm giấy của người Việt ở Đông Cao (Bắc Ninh) với làng nghề làm giấy của người Dao ở Hà Giang và người Nùng ở Cao Bằng.

### Tài liệu tham khảo

1. Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Ninh (2021), *Nghề làm giấy dó Phong Khê*, trên trang bacninh.gov.vn/news/-/details/20182/nghe-lam-giay-do-phong-khe (Truy cập ngày 29/3/2024).
2. Nguyễn Hữu Mạo (Chủ biên, 2020), *Nghề làm giấy làng Dương Ổ*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
3. Nguyễn Quang Ngọc (2010), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
4. Nikita Grant, Amelia Kosciulek (2022), *Vietnamese Village Is Keeping 800-Year-Old Papermaking Tradition Alive*, on page Businessinsider.com/vietnamese-village-do-papermaking-craft-tradition-2022-7 (Truy cập ngày 27/3/2024).
5. Vũ Hồng Thuật, Vũ Thị Diệu (2015), “Nghề sản xuất giấy dó Đông Cao: Truyền thống và biến đổi”, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, số 4 (160), tr. 74-79.
6. Ủy ban nhân dân huyện Bắc Quang (2012), *Quyết định phê duyệt Đề án phát triển làng nghề truyền thống sản xuất giấy bản dân tộc Dao, gắn với xây dựng khu du lịch sinh thái*

*Thác Thủy và thôn văn hóa Thanh Sơn, Tân Sơn, thị trấn Việt Quang, số 13/QĐ-UBND, ban hành ngày 06/1/2012.*

7. Ủy ban nhân dân huyện Bắc Quang (2021a), *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch ngành nghề nông thôn giai đoạn 2011-2020.*

8. Ủy ban nhân dân huyện Bắc Quang (2021b), *Báo cáo hiện trạng phát triển các làng nghề của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.*

9. Ủy ban nhân dân huyện Bắc Quang (2022), *Kế hoạch Phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn huyện Bắc Quang năm 2022, số 1324/KH-UBND, ban hành ngày 29/3/2022.*

10. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang (2022), *Kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn năm 2022, số 73/KH-UBND, ban hành ngày 10/3/2022.*



Kỹ thuật seo giấy của người Dao Đỏ ở thôn Thanh Sơn,  
huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

*Ảnh: Vũ Hồng Thuật, chụp tháng 12/2023.*